

Số: 03 /CBTT-CTCSCC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

Trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 536 883 Fax: (028) 38 592 896

Người thực hiện công bố thông tin: ông Huỳnh Trí Dũng

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh thông báo tình hình công bố thông tin:

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



**Huỳnh Trí Dũng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 300...../CV-CSCC  
V/v công bố Báo cáo tài chính kiểm toán  
năm 2019 chậm so với quy định

TPHCM, ngày 03 tháng 4 năm 2020

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)
- Quý cổ đông

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ hợp đồng đã ký giữa Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về việc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã thống nhất số liệu kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 vào ngày 30/03/2020.

Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 dẫn đến việc giao nhận hồ sơ Báo cáo kiểm toán từ Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC có trụ sở tại Hà Nội và Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM bị chậm trễ.

Ngay sau khi nhận được Báo cáo kiểm toán năm 2019, Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM đã thực hiện công bố theo quy định.

Rất mong Quý cơ quan và Quý cổ đông thông cảm.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Trí Dũng**



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF  
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

## **NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 27
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 121 Châu Văn Liêm, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Thọ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13/06/2019
Ông Phạm Hưng Út	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 01/04/2019
Ông Lê Mạnh Thường	Phó Chủ tịch	
Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên	
Ông Phạm Hưng Út	Thành viên	
Bà Đoàn Thị Minh Trang	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Xuân Liễu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tấn Phong	Thành viên
Ông Trần Nam Trung	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

**Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh**

Số 121 Châu Văn Liêm, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Huỳnh Trí Dũng**

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 050419.001/BCTC.KT1 ngày 05 tháng 04 năm 2019 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng tồn lâu số tiền 3,77 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2019 các khoản phải thu khách hàng tồn lâu chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi là 3,57 tỷ đồng. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo về các vấn đề sau:

- Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt.
- Công ty ghi nhận giá trị quyết toán của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên khoản mục Phải thu khác với tổng số tiền là 8.997.051.542 VND và chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền (Chi tiết Thuyết minh số 7).

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020

**Hà Văn Xuyên**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số: 3383-2020-002-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>386.867.848.908</b>	<b>358.738.226.216</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	149.268.087.468	117.840.901.749
111	1. Tiền		39.268.087.468	27.840.901.749
112	2. Các khoản tương đương tiền		110.000.000.000	90.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	50.000.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		50.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		153.840.044.483	198.956.128.023
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	118.787.615.702	169.493.759.850
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.231.152.100	1.996.052.635
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	29.821.276.681	27.466.315.538
140	IV. Hàng tồn kho	8	33.685.535.139	31.341.380.530
141	1. Hàng tồn kho		33.685.535.139	31.341.380.530
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		74.181.818	599.815.914
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	74.181.818	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	599.815.914
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>84.162.770.315</b>	<b>103.759.895.346</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.995.924.000	15.991.846.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	7.995.924.000	15.991.846.000
220	II. Tài sản cố định		19.777.395.442	22.703.298.339
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	19.777.395.442	22.703.298.339
222	- Nguyên giá		76.291.648.891	76.291.648.891
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(56.514.253.449)	(53.588.350.552)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		56.389.450.873	65.064.751.007
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	56.389.450.873	65.064.751.007
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>471.030.619.223</b>	<b>462.498.121.562</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>164.645.765.509</b>	<b>163.122.313.169</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>164.645.765.509</b>	<b>163.122.313.169</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	81.259.613.043	102.216.008.605
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	1.765.143.459	4.852.512.600
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.194.238.218	1.500.728.624
314	4. Phải trả người lao động		39.179.364.735	18.959.411.874
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	11.207.172.954	8.086.417.833
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	17.444.653.662	17.795.990.987
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.595.579.438	9.711.242.646
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>306.384.853.714</b>	<b>299.375.808.393</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>306.037.249.710</b>	<b>299.028.204.389</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		284.000.000.000	284.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		284.000.000.000	284.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.037.249.710	15.028.204.389
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		437.304.766	954.972.842
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		21.599.944.944	14.073.231.547
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>		<b>347.604.004</b>	<b>347.604.004</b>
431	1. Nguồn kinh phí		347.604.004	347.604.004
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>471.030.619.223</b>	<b>462.498.121.562</b>



Trương Thị Thùy Ngân  
Người lập biểu  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

  
Nguyễn Thị Xuân Đông  
Kế toán trưởng



  
Huỳnh Trí Dũng  
Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	404.179.885.949	375.713.506.098
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		404.179.885.949	375.713.506.098
11	3. Giá vốn hàng bán	19	300.764.574.240	290.174.634.403
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		103.415.311.709	85.538.871.695
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	6.093.592.545	5.366.791.755
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	69.988.499.302	61.703.800.607
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		39.520.404.952	29.201.862.843
31	8. Thu nhập khác		198.025.144	1.929.563.249
32	9. Chi phí khác		128.628.333	995.876.184
40	10. Lợi nhuận khác		69.396.811	933.687.065
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.589.801.763	30.135.549.908
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	8.049.856.819	6.122.318.361
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		31.539.944.944	24.013.231.547
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	1.001	749

  
Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

  
Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng

  
Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	468.117.869.042	406.148.120.607
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(260.105.772.703)	(236.647.240.835)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(89.158.481.079)	(89.375.297.794)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(8.571.935.355)	(4.068.175.377)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.327.521.147	3.058.753.690
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(23.998.279.078)	(36.399.705.905)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>87.610.921.974</b>	<b>42.716.454.386</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	(174.843.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(40.000.000.000)	(10.000.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.614.268.495	5.081.933.917
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(34.385.731.505)</b>	<b>(5.092.909.083)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(21.798.004.750)	(32.175.108.950)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(21.798.004.750)</b>	<b>(32.175.108.950)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>31.427.185.719</b>	<b>5.448.436.353</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>117.840.901.749</b>	<b>112.392.465.396</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 149.268.087.468</b>	<b>117.840.901.749</b>

Trương Thị Thùy Ngân  
Người lập biểu  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Xuân Đông  
Kế toán trưởng



Huỳnh Trí Dũng  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 121 Châu Văn Liêm, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 284.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ đồng chẵn), tương đương 28.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát giao thông, bảng thông tin giao thông điện tử.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng;
- Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế, lập dự toán, lập hồ sơ mời thầu, giám sát thi công, quản lý điều hành dự án các công trình: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử;
- Thi công xây lắp mới hệ thống: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3 . Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật.

### 2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

## 2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm theo hướng dẫn của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

## 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.14 . Doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**2.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.19. Thông tin bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động duy tu và thi công xây lắp, đồng thời doanh thu phát sinh chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	197.081.207	98.656.771
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.071.006.261	27.742.244.978
Các khoản tương đương tiền (i)	110.000.000.000	90.000.000.000
	<b>149.268.087.468</b>	<b>117.840.901.749</b>

(i) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất 5,0%/năm.

### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

#### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	50.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	50.000.000.000	-	10.000.000.000	-
	<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Tại ngày 31/12/2019, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 6,0%/ năm đến 6,9%/năm.

### 5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Trung tâm quản lý hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh	39.213.318.000	-	-	-
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Đà Nẵng	10.929.657.000	-	-	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	22.508.948.995	-	48.905.651.656	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 2	2.359.371.168	-	18.302.149.597	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 3	16.523.676.869	-	31.697.169.383	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 4	1.086.189.089	-	42.675.361.710	-
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh	16.037.768.000	-	23.987.768.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 2 Thành phố Bà Rịa	1.974.429.350	-	7.898.000.000	-
Trung tâm quản lý đường hầm sông Sài Gòn	5.654.132.922	-	3.476.697.424	-
Các đối tượng khác	10.496.048.309	-	8.542.808.080	-
	<b>126.783.539.702</b>	<b>-</b>	<b>185.485.605.850</b>	<b>-</b>



**b) Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	118.787.615.702	-	169.493.759.850	-
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	7.995.924.000	-	15.991.846.000	-
	<b>126.783.539.702</b>	<b>-</b>	<b>185.485.605.850</b>	<b>-</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hà Sơn	3.069.781.750	-	1.603.616.835	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng hạ tầng Toàn Tâm	1.340.581.750	-	-	-
Các đơn vị khác	820.788.600	-	392.435.800	-
	<b>5.231.152.100</b>	<b>-</b>	<b>1.996.052.635</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	172.798.862	-	172.798.862	-
Dự thu lãi tiền gửi	888.904.108	-	443.835.616	-
Tạm ứng	-	-	95.250.000	-
Ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng, chờ quyết toán	18.200.389.984	-	17.720.232.962	-
Phải thu thuế TNCN	152.707.021	-	59.373.382	-
Điều chỉnh giảm doanh thu các công trình duy tu hoàn thành trước giai đoạn trước cổ phần hóa (i)	8.997.051.542	-	5.930.214.734	-
Phải thu Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh về lợi nhuận nộp thừa	1.218.179.082	-	1.218.179.082	-
Phải thu khác	191.246.082	-	1.826.430.900	-
	<b>29.821.276.681</b>	<b>-</b>	<b>27.466.315.538</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu khác từ các bên liên quan</b>	<b>1.218.179.082</b>	<b>-</b>	<b>1.218.179.082</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)

(i) Các khoản điều chỉnh doanh thu theo quyết toán được các chủ đầu tư phê duyệt trong năm 2018, 2019 của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước cổ phần hóa và giá vốn tương ứng của các công trình này (số tăng trong năm 2019 là 3.066.836.808 VND). Phần lợi nhuận điều chỉnh này phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa và ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp cổ phần, do đó được Công ty theo dõi trên khoản mục Phải thu khác và chờ hướng dẫn xử lý của các cơ quan có thẩm quyền.



8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.645.897.497	-	16.618.215.053	-
Công cụ, dụng cụ	60.518.700	-	36.844.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.838.489.620	-	14.520.739.202	-
- Hoạt động duy tu	3.202.651.244	-	1.464.085.013	-
- Công trình đường gom thuộc tuyến đường dẫn cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Trung Lương	3.559.646.696	-	3.529.243.396	-
- Thay thế hệ thống chiếu sáng mỹ thuật trụ sở HĐND và UBND Tp. Hồ Chí Minh	-	-	6.117.571.810	-
- Dự án thay thế hệ thống đèn LED trên các tuyến quốc lộ tỉnh Đồng Nai	7.405.581.687	-	11.480.000	-
- Các công trình khác	2.670.609.993	-	3.398.358.983	-
Thành phẩm	140.629.322	-	165.581.575	-
	<b>33.685.535.139</b>	<b>-</b>	<b>31.341.380.530</b>	<b>-</b>

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	33.905.931.917	2.994.289.900	36.731.222.029	2.660.205.045	76.291.648.891
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.905.931.917</b>	<b>2.994.289.900</b>	<b>36.731.222.029</b>	<b>2.660.205.045</b>	<b>76.291.648.891</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	13.174.543.208	2.583.859.665	35.523.421.662	2.306.526.017	53.588.350.552
- Khấu hao trong năm	1.324.364.950	200.248.018	1.207.800.367	193.489.562	2.925.902.897
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.498.908.158</b>	<b>2.784.107.683</b>	<b>36.731.222.029</b>	<b>2.500.015.579</b>	<b>56.514.253.449</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	20.731.388.709	410.430.235	1.207.800.367	353.679.028	22.703.298.339
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>19.407.023.759</b>	<b>210.182.217</b>	<b>-</b>	<b>160.189.466</b>	<b>19.777.395.442</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 46.940.484.722 VND.

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê kho	74.181.818	-
	<b>74.181.818</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Lợi thế thương mại (i)	56.389.450.873	65.064.751.007
	<b>56.389.450.873</b>	<b>65.064.751.007</b>

(i) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 6039/QĐ/UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2014 kể từ thời điểm chuyển sang công ty cổ phần (ngày 01/07/2016).

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại và Xây dựng HITECH Việt Nam	3.661.665.700	3.661.665.700	9.175.850.310	9.175.850.310
Công ty TNHH VILIGHT	-	-	24.939.000.000	24.939.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh	20.343.092.880	20.343.092.880	17.927.251.870	17.927.251.870
Công ty TNHH Kỹ thuật máy tính Phúc Châu	5.943.014.550	5.943.014.550	3.174.195.672	3.174.195.672
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nhất Huy	8.488.575.644	8.488.575.644	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ chiếu sáng Việt Nam	12.506.582.000	12.506.582.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	30.316.682.269	30.316.682.269	46.999.710.753	46.999.710.753
	<b>81.259.613.043</b>	<b>81.259.613.043</b>	<b>102.216.008.605</b>	<b>102.216.008.605</b>

**12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299	-	495.000.000
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông (tên cũ: Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông đô thị Thành phố)	1.415.330.859	-
- Văn phòng UBND Thành phố Hồ Chí Minh	-	4.007.700.000
- Các khách hàng khác	349.812.600	349.812.600
	<b>1.765.143.459</b>	<b>4.852.512.600</b>

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm (Đã điều chỉnh) VND	Số phải nộp đầu năm (Đã điều chỉnh) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	494.485.489	-	4.488.094.021	1.788.887.810	-	2.204.720.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.500.728.624	8.049.856.819	8.571.935.355	-	978.650.088
Thuế thu nhập cá nhân	105.330.425	-	2.116.640.330	2.000.442.497	-	10.867.408
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.379.372.828	3.379.372.828	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	<b>599.815.914</b>	<b>1.500.728.624</b>	<b>18.038.963.998</b>	<b>15.745.638.490</b>	<b>-</b>	<b>3.194.238.218</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công các công trình	11.134.763.208	8.023.404.428
Chi phí phải trả khác	72.409.746	63.013.405
	<b>11.207.172.954</b>	<b>8.086.417.833</b>

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thặng dư vốn cổ phần phải nộp Nhà nước (i)	14.232.309.026	14.232.309.026
Phải trả cổ tức	34.485.000	49.689.750
Phải trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	1.408.278.331	1.692.979.000
Phải trả tiền thuế TNCN	1.605.532.802	1.597.982.061
Các khoản phải trả, phải nộp khác	164.048.503	223.031.150
	<b>17.444.653.662</b>	<b>17.795.990.987</b>

(i) Thặng dư vốn cổ phần phải nộp về ngân sách Nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV đề cập trong Biên bản kiểm toán ngày 01/06/2018.

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	284.000.000.000	17.904.972.842	301.904.972.842
Lãi trong năm trước (trước điều chỉnh)	-	23.896.518.465	23.896.518.465
Chia cổ tức năm 2017	-	(13.916.000.000)	(13.916.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	(9.940.000.000)	(9.940.000.000)
Trích lập các quỹ	-	(3.034.000.000)	(3.034.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước (trước điều chỉnh)</b>	<b>284.000.000.000</b>	<b>14.911.491.307</b>	<b>298.911.491.307</b>
Điều chỉnh hồi tố	-	116.713.082	116.713.082
<b>Số dư cuối năm trước (sau điều chỉnh)</b>	<b>284.000.000.000</b>	<b>15.028.204.389</b>	<b>299.028.204.389</b>
Lãi trong năm nay	-	31.539.944.944	31.539.944.944
Phân phối lợi nhuận năm trước (i)	-	(2.748.099.623)	(2.748.099.623)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước (i)	-	(11.842.800.000)	(11.842.800.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay (ii)	-	(9.940.000.000)	(9.940.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>284.000.000.000</b>	<b>22.037.249.710</b>	<b>306.037.249.710</b>



- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2018 (trước điều chỉnh hồi tố)		23.896.518.465
Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước chuyển sang		651.052.842
Tổng lợi nhuận chưa phân phối		24.547.571.307
Chia cổ tức (mỗi cổ phần nhận 767 VND), trong đó:	88,74%	21.782.800.000
- Số đã tạm chia trong năm 2018		9.940.000.000
- Số chia trong năm nay		11.842.800.000
Trích quỹ khen thưởng	3,41%	836.378.146
Trích quỹ phúc lợi	3,41%	836.378.146
Thù lao và chi phí hoạt động HĐQT, thư ký HĐQT BKS, Ban điều hành	4,38%	1.075.343.331
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	0,06%	16.671.684

- (ii) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2019 theo Thông báo của Hội đồng quản trị số 1280/TB-CTCSCC ngày 04/12/2019. Theo đó, tỉ lệ tạm ứng cổ tức là 3,5%/cổ phiếu tương ứng 9.940.000.000 VND, mỗi cổ phần được nhận 350 VND.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2019 VND	Tỷ lệ %	01/01/2019 VND	Tỷ lệ %
Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	144.840.000.000	51,00	144.840.000.000	51,00
Công ty Cổ phần Long Hậu	96.560.000.000	34,00	96.560.000.000	34,00
Các cổ đông khác	42.600.000.000	15,00	42.600.000.000	15,00
	<b>284.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>284.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	284.000.000.000	284.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	<b>284.000.000.000</b>	<b>284.000.000.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	49.689.750	8.602.973.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	21.782.800.000	23.856.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.842.800.000	13.916.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	9.940.000.000	9.940.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	21.798.004.750	32.409.283.250
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.858.004.750	22.518.973.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	9.940.000.000	9.890.310.250
- Số dư cuối năm	<b>34.485.000</b>	<b>49.689.750</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	28.400.000	28.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.400.000	28.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.400.000	28.400.000

**17 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại phường 4, 13 và 14 thuộc quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 913,9 m2, thời hạn thuê đến năm 2046); phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 1.389,7 m2, thời hạn thuê đến năm 2059); phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 2.425,8 m2, thời hạn thuê đến năm 2060); xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 2.500 m2, thời hạn thuê đến năm 2064) để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu hoạt động duy tu	379.731.343.998	346.809.904.716
Doanh thu hoạt động xây lắp	23.739.442.038	27.947.492.351
Doanh thu cung cấp sản phẩm, dịch vụ khác	709.099.913	956.109.031
	<b><u>404.179.885.949</u></b>	<b><u>375.713.506.098</u></b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 (Đã điều chỉnh) VND
Giá vốn hoạt động duy tu	278.867.919.095	264.467.093.178
Giá vốn hoạt động xây lắp	21.369.191.289	24.902.844.734
Giá vốn của dịch vụ khác	527.463.856	804.696.491
	<b><u>300.764.574.240</u></b>	<b><u>290.174.634.403</u></b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	6.059.336.987	5.366.791.755
Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.255.558	-
	<b><u>6.093.592.545</u></b>	<b><u>5.366.791.755</u></b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ quản lý	2.471.121.700	1.029.447.224
Chi phí nhân công	29.409.546.275	24.304.788.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.623.124.278	1.925.582.384
Thuế, phí và lệ phí	3.431.927.030	641.265.448
Hoàn nhập dự phòng	-	(657.713.796)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.322.360.954	27.399.351.085
Chi phí khác bằng tiền	6.730.419.065	7.061.079.357
	<b>69.988.499.302</b>	<b>61.703.800.607</b>

**22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	39.589.801.763	30.135.549.908
Các khoản điều chỉnh tăng	659.482.333	475.341.901
- Các khoản phạt hành chính	63.322.333	68.869.298
- Thù lao cán bộ quản lý không chuyên trách	596.160.000	403.800.000
- Các khoản khác	-	2.672.603
Thu nhập chịu thuế TNDN (thuế suất 20%)	40.249.284.096	30.610.891.809
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.049.856.819</b>	<b>6.122.318.361</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.500.728.624	(553.414.360)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(8.571.935.355)	(4.068.175.377)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>978.650.088</b>	<b>1.500.728.624</b>

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	31.539.944.944	24.013.231.547
Các khoản điều chỉnh:	(3.099.993.600)	(2.748.099.623)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi phí hoạt động của HĐQT (i)	(3.099.993.600)	(2.748.099.623)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	28.439.951.344	21.265.131.924
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28.400.000	28.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (ii)</b>	<b>1.001</b>	<b>749</b>

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2019, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát với tổng tỷ lệ là 12% trên lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2019, tương ứng với số tiền 3.099.993.600 VND.

(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

#### 24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	172.571.765.835	190.812.559.596
Chi phí nhân công	122.615.194.871	96.037.054.720
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.925.902.897	5.734.923.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.352.232.568	55.058.861.540
Chi phí khác bằng tiền	14.064.142.618	10.832.097.027
	<b>373.529.238.789</b>	<b>358.475.496.246</b>

#### 25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.268.087.468	-	117.840.901.749	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	156.604.816.383	-	212.951.921.388	-
Các khoản cho vay	50.000.000.000	-	10.000.000.000	-
	<b>355.872.903.851</b>	<b>-</b>	<b>340.792.823.137</b>	<b>-</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			98.704.266.705	120.011.999.592
Chi phí phải trả			11.207.172.954	8.086.417.833
			<b>109.911.439.659</b>	<b>128.098.417.425</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và tương đương tiền	149.268.087.468	-	-	149.268.087.468
Phải thu khách hàng, phải thu khác	148.608.892.383	7.995.924.000	-	156.604.816.383
Các khoản cho vay	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
	<u>347.876.979.851</u>	<u>7.995.924.000</u>	<u>-</u>	<u>355.872.903.851</u>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và tương đương tiền	117.840.901.749	-	-	117.840.901.749
Phải thu khách hàng, phải thu khác	196.960.075.388	15.991.846.000	-	212.951.921.388
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	<u>324.800.977.137</u>	<u>15.991.846.000</u>	<u>-</u>	<u>340.792.823.137</u>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	98.704.266.705	-	-	98.704.266.705
Chi phí phải trả	11.207.172.954	-	-	11.207.172.954
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	120.011.999.592	-	-	120.011.999.592
Chi phí phải trả	8.086.417.833	-	-	8.086.417.833
	<b>128.098.417.425</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>128.098.417.425</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 26 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Quỹ tiền lương người lao động và viên chức quản lý năm 2019 đang được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và đang chờ phê duyệt từ Hội đồng Quản trị.

## 27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Long Hậu	Cổ đông lớn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Chia cổ tức trong năm</b>	<b>18.515.380.000</b>	<b>15.691.000.000</b>
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	11.109.228.000	9.414.600.000
- Công ty Cổ phần Long Hậu	7.406.152.000	6.276.400.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.218.179.082</b>	<b>1.218.179.082</b>
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	1.218.179.082	1.218.179.082

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	694.885.858	459.805.448
- Thu nhập của thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.108.953.100	2.251.556.619

## 29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.


Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra thuế số 38/CT-TTKT3 ngày 26/06/2019 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh như sau:

	Mã số	Điều chỉnh lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND	Chênh lệch VND
<b>a) Bảng Cân đối kế toán</b>				
- Phải thu ngắn hạn khác	136	27.466.315.538	27.295.634.394	170.681.144
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	599.815.914	771.310.695	(171.494.781)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.500.728.624	1.471.375.355	29.353.269
- Phải trả ngắn hạn khác	319	17.795.990.987	17.942.870.975	(146.879.988)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15.028.204.389	14.911.491.307	116.713.082
<b>b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
- Giá vốn hàng bán	11	290.174.634.403	290.176.860.161	(2.225.758)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	61.703.800.607	61.847.641.200	(143.840.593)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.122.318.361	6.092.965.092	29.353.269
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	24.013.231.547	23.896.518.465	116.713.082
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	749	778	(29)

  
Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2020

  
Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng

  
Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc



Số: 298...../CV-CSCC  
V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của Công ty  
kiểm toán trên Báo cáo tài chính  
năm 2019

TP.HCM, ngày 03 tháng 4 năm 2020

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Tại báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 03 năm 2020, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán có nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh như sau:

- Ý kiến ngoại trừ:** “Tại Báo cáo kiểm toán số 050419.001/BCTC.KT1 ngày 05 tháng 04 năm 2019 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng tồn lâu với số tiền 3,77 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2019 các khoản phải thu khách hàng tồn lâu chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi là 3,57 tỷ đồng. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty”.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Định kỳ hàng năm, Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM thực hiện gửi bảng đối chiếu công nợ đến từng Chủ đầu tư theo quy định, tuy nhiên đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán vẫn còn một số Chủ đầu tư chưa xác nhận công nợ. Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TP.HCM đã tích cực làm việc với Chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ xác nhận công nợ theo quy định, tuy nhiên vẫn còn một số Chủ đầu tư chưa xác nhận công nợ. Tính đến ngày 31/12/2019, số công nợ chưa xác nhận được giảm từ 3,77 tỷ đồng xuống còn 3,57 tỷ đồng. Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các Chủ đầu tư về vấn đề này.

**2. Ý kiến nhấn mạnh:**

- “Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt.
- Công ty ghi nhận giá trị quyết toán của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên khoản mục Phải thu khác với tổng số tiền 8.997.051.542 VND và chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền (Chi tiết Thuyết minh số 7.”



Công ty cổ phần Chiêu sáng công cộng TP.HCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Hiện nay, các hợp đồng Công ty đã thực hiện trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa (trước ngày 01/07/2016) đang được Ban chỉ đạo cổ phần hóa tổ chức thực hiện, theo đó kết quả phê duyệt có tăng, giảm giá trị quyết toán. Do đó Công ty tạm ghi nhận doanh thu tăng, giảm trên khoản mục phải thu, phải trả khác và đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được duyệt.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Trí Dũng**

